

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 08/2022

A. HỎI ĐÁP

B. CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Tăng cường rà soát, kiểm tra phát hiện người nộp thuế có rủi ro về hóa đơn, gian lận hoàn thuế GTGT
2. Tổ chức triển khai nghị định số 34/2022/NĐ-CP
3. Người nước ngoài được tính thuế lũy tiến nếu thời hạn hợp đồng phái cử trên 183 ngày.
4. Chính sách thuế thu nhập cá nhân với cá nhân không cư trú
5. Doanh nghiệp tiếp tục được sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN còn tồn trong thời gian chưa kịp triển khai chứng từ điện tử.
6. Những lưu ý khi áp dụng hạn mức tăng ca 300 giờ/năm

C. CÁC QUY ĐỊNH KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN; QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Quy định về sử dụng Quỹ phát triển Khoa học công nghệ.
2. Quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.
3. Quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế.
4. Hướng dẫn về cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

D. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ.
2. Thông tư 47/2022/TT-BTC ngày 29/07/2022 của Bộ Tài chính.
3. Nghị định 50/2022/NĐ-CP ngày 2/8/2022 của Chính phủ.
4. Nghị định 51/2022/NĐ-CP ngày 8/8/2022 của Chính phủ.



A. HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Kính gửi Bộ tài chính, Theo nghị định 123/2020/NĐ-CP và thông tư 78/2021/TT-BTC quy định xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài phải xuất hóa đơn GTGT. Trường hợp, công ty A hoạt động từ thứ 2 đến hết sáng thứ 7 là nghỉ, nhưng công ty thuê đơn vị B làm dịch vụ khai báo hải quan và họ làm thêm giờ để thông quan mà thời điểm được hải quan cấp phép thông quan là chiều thứ 7 nên không xuất hóa đơn GTGT điện tử tại ngày thông quan. Trường hợp sáng thứ 2 công ty A mới đi làm và xuất hóa đơn GTGT cho hàng hóa thông quan từ thứ 7 tuần trước có bị coi là hành vi xuất sai thời điểm không? Và căn cứ phạt cho trường hợp trên?

- Căn cứ Nghị định số 123/2010/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ:

+ Tại Điều 4 quy định về nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ:

“1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu, hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay trang cho người lao động và tiêu dùng nội

bộ (trừ hàng hóa thân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này...”

+ Tại Điều 13 quy định về áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ:

“3. Quy định về áp dụng hóa đơn điện tử, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý đối với một số trường hợp cụ thể theo yêu cầu quản lý như sau:

c) Cơ sở kinh doanh kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (kể cả cơ sở gia công hàng hóa xuất khẩu) khi xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng điện tử.

Khi xuất hàng hóa để vận chuyển đến cửa khẩu hay đến nơi làm thủ tục xuất khẩu, cơ sở sử dụng Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ theo quy định làm chứng từ 4 thông hàng hóa trên thị trường. Sau khi làm xong thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu, Cơ sở lập hóa đơn giá trị gia tăng cho hàng hóa xuất khẩu.”

- Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn:

+ Tại Điều 24 quy định về xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ:

“1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chân thực hiện nghĩa vụ thuế và có tinh tiết giảm nhẹ,

3. Phạt tiền từ 3.000. (200 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chân thực hiện nghĩa vụ thuế, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: | a) Lập hóa đơn không đúng thời điểm theo quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, chờ từng tịch vụ, trừ trường hợp (4) định tại điểm a khoản 1, khoản 3 + Điều này;

...”

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Công ty của Độc giả có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (kể cả cơ sở gia công hàng hóa xuất khẩu; khi xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ thì thực hiện lập hóa đơn giá trị gia tăng điện tử theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Trường hợp Công ty của Độc giả vi phạm quy định về lập hóa đơn không đúng thời điểm khi bán hàng hóa, dịch vụ thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

2. Kính gửi Cơ quan Thuế, Hiện tại theo ND 123/2020/ND-CP, từ 01/07/2022 DN phải chuyển sang sử dụng chứng từ điện tử khấu trừ thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và thời điểm lập chứng từ là thời điểm khấu trừ thuế TNCN. Tôi xin hỏi là trường hợp hàng tháng Công ty có khấu trừ thuế TNCN của người lao động thuế ngoài nhưng tại thời điểm đó người lao động chưa yêu cầu chứng từ khấu trừ thuế thì Công ty chúng tôi có thể xuất 1 lần chứng từ khấu trừ cho 1 cá nhân tại thời điểm cuối năm khi người lao động yêu cầu được không? Tôi xin cảm ơn!

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Nghị định 123/2020/ND-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ ngày 19/10/2020 quy định về nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ:

Điều 4. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ

“...2. Khi khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, khi thu thuế, phí, lệ phí, tổ chức khấu trừ thuế, tổ chức thu phí, lệ phí, tổ chức thu thuế phải lập chứng từ khấu trừ thuế, biên lai thu thuế, phí, lệ phí giao cho người có thu nhập bị khấu trừ thuế, người nộp thuế, nộp phí, lệ phí và phải ghi đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 32 Nghị định này. Trường hợp sử dụng biên

lai điện tử thì phải theo() định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế. Trường hợp cá nhân ủy quyền quyết toán thuế thì không cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân,

Đối với cá nhân không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được lựa chọn cấp chứng từ khấu trừ thuế cho mỗi lần khấu trừ thuế hoặc cấp một chứng từ khấu trừ cho nhiều lần khấu trừ thuế trong một kỳ tính thuế. Đối với cá nhân ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên, tổ chức, cá nhân trả thu nhập chỉ cấp cho cá nhân một chứng từ khấu trừ thuế trong một kỳ tính thuế.

...”

Căn cứ các quy định nêu trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp hàng tháng Công ty của quý độc giả có khấu trừ thuế TNCN của người lao động thuế ngoài thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được lựa chọn cấp chứng từ khấu trừ thuế cho mỗi lần khấu trừ thuế hoặc cấp một chứng từ khấu trừ cho nhiều lần khấu trừ thuế trong một kỳ tính thuế theo quy định khoản 2 Điều 4 Nghị định 123/2020/ND-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.



3. Theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ về việc quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH 15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Tôi có câu hỏi như sau: Đối với hợp đồng thi công xây dựng công trình đã ký trước ngày 01/2/2022, ngày hoàn thành là 30/7/2022. Trong quá trình thực hiện có phát sinh khối lượng tăng, nhà thầu và chủ đầu tư có ký phụ lục HĐ ngày 01/3/2022 bổ sung thêm khối lượng bao gồm thuế VAT 10%. Như vậy:

- Khối lượng phát sinh tăng này khi thanh toán thực hiện thuế VAT 10% có đúng không?

- Khối lượng gói thầu chính đã ký năm 2021 nhưng thực hiện 01/01/2022 đến 30/7/2022 thực hiện thuế VAT 10% có đúng không? Trân trọng cảm ơn.

- Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội:

"1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022

Điều 1 Nghị định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022".

- Khoản 5 Điều 8 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT :

"Điều 8. Thời điểm xác định thuế GTGT...

5. Đối với xây dựng, lắp đặt, bao gồm cả đóng tàu, là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền".

- Điểm c khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ quy định thời điểm lập hóa đơn:

"c) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền".



A. HỎI ĐÁP

Căn cứ quy định nêu trên, đối với Hợp đồng thi công xây dựng công trình đã ký trước ngày 01/02/2022, ngày hoàn thành là 30/7/2022 và Phụ lục hợp đồng bổ sung khối lượng; Nếu thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022 được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng giảm theo quy định tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.



4. Kính gửi Bộ Tài chính, theo như Tôi công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành là một quá trình, từ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ đến trình cơ quan có thẩm quyền ra quyết định phê duyệt dự án hoàn thành và thực hiện thu, chi từ nguồn thu phí thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành. Ngày 20/02/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 10/2020/TT-BTC quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách nhà nước có hiệu lực từ ngày 10/4/2020; trong đó: Tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 20 quy định về nội dung chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán như sau: “2. Quản lý, sử dụng chi phí, phê duyệt quyết toán: b) Nội dung chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán gồm: – Chi hỗ trợ trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán.”.

Vậy xin hỏi với nội dung chi là hỗ trợ trực tiếp công tác thẩm tra quyết toán thì chi người thực hiện trình phê duyệt quyết toán mới được nhận thù lao, còn những người liên quan như văn thư tiếp nhận hồ sơ, cán bộ hỗ trợ kiểm tra hồ sơ, kế toán thực hiện nghiệp vụ quản lý thu chi từ nguồn thu phí thẩm tra quyết toán có được nhận thù lao hay không?

1. Về hiệu lực của Thông tư: Ngày 11/11/2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 96/2021/TT-BTC quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán, hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2022 thay thế Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2022. Theo đó, Thông tư 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước có hiệu lực thi hành từ ngày 10/4/2020 đến ngày 31/12/2021.

2. Tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 20 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2022 quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn nhà nước quy định như sau:

“b) Nội dung chi công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán gồm:

- Chi hỗ trợ trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán.

- Chi trả cho chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán dự án trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán ký kết hợp đồng theo thời gian với các chuyên gia/thuê tổ chức tư vấn.

- Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán.



A. HỎI ĐÁP

- Các khoản chi khác có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán.

c) Căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và nội dung chi quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán xây dựng quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán, trình thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét, quyết định phê duyệt để làm cơ sở thực hiện hàng năm cho đến khi quy chế được điều chỉnh, bổ sung (nếu có).”

Căn cứ quy định nêu trên, các khoản chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ đã được cơ quan cấp trên phê duyệt.

Đề nghị Quý độc giả căn cứ vào những quy định nêu trên để thực hiện



5. Kính gửi Bộ tài chính, tôi có câu hỏi mong được giải đáp: Công ty tôi năm 2021 nộp thuế theo pp trực tiếp (mẫu TK 04/GTGT), đến năm 2022 do công ty chúng tôi doanh thu năm 2021 trên 1 tỷ đồng nên phải chuyển sang pp khấu trừ (Mẫu 01/GTGT), tuy nhiên từ đầu năm 2022 đến nay do ảnh hưởng dịch bệnh công ty chúng tôi vẫn chưa hoạt động kinh doanh nên không phát sinh doanh thu, công ty chúng tôi đã nộp nhằm tờ khai GTGT Quý 1 theo phương pháp trực tiếp (mẫu 04/GTGT), đến ngày 25/7 công ty chúng tôi phát hiện ra sai sót, vậy trong trường hợp này công ty tôi phải giải quyết như thế nào? Công ty chúng tôi có bị xử phạt hay không? Rất mong nhận được giải đáp từ quý Bộ.

- Căn cứ hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT hướng dẫn về phương pháp khấu trừ thuế:

"a) Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ một tỷ đồng trở lên và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, trừ hộ, cá nhân

*kinh doanh nộp thuế theo phương pháp
tính trực tiếp hướng dẫn tại Điều 13 Thông
tư này”*

- Căn cứ hướng dẫn tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 93/2017/TT-BTC ngày 19/9/2017 của Bộ Tài chính:

“Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính) như sau:

1. Bỏ các khoản 1, 2, 3, 4, 5 sau điểm d Khoản 3 Điều 12 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính) và thay bằng nội dung như sau:

Phương pháp tính thuế của cơ sở kinh doanh xác định theo Hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng hướng dẫn tại Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 và Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính)."

- Tại Điều 7 Nghị định số 126/2000/NĐ-CP quy định: "4. Người nộp thuế được nộp hồ sơ khai bổ sung cho từng hồ sơ khai thuế có sai, sót theo quy định tại Điều 47 Luật



A. HỎI ĐÁP

Quản lý thuế và theo mẫu quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”

- Tại Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định:

“Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế

1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, Cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra.

4. Hồ sơ khai bổ sung hồ sơ khai thuế bao gồm: a) Tờ khai bổ sung; b) Bản giải trình khai bổ sung và các tài liệu có liên quan.”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty của ông xác định năm 2022 đủ điều kiện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, đã nộp tờ khai thuế quý 1 là mẫu 04/GTGT nhưng Công ty phát hiện có sai sót thì Công ty nộp lại tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư 80/2011/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính kèm theo bản giải trình và tài liệu liên quan đến Chi cục Thuế khu vực Ngã Sơn – Hậu Lộc đang quản lý thuế trực tiếp để được giải quyết cụ thể.





B. CHÍNH SÁCH THUẾ

- Tăng cường kiểm tra người nộp thuế có rủi ro về hóa đơn, gian lận hoàn thuế GTGT
- Tổ chức triển khai nghị định số 34/2022/NĐ-CP
- Người nước ngoài được tính thuế lũy tiến nếu thời hạn hợp đồng phái cử trên 183 ngày.
- Chính sách thuế thu nhập cá nhân với cá nhân không cư trú
- Doanh nghiệp tiếp tục được sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN còn tồn trong thời gian chưa kịp triển khai chứng từ điện tử.
- Những lưu ý khi áp dụng hạn mức tăng ca 300 giờ/năm

1. Tăng cường rà soát, kiểm tra phát hiện người nộp thuế có rủi ro về hóa đơn, gian lận hoàn thuế GTGT

Ngày 01/06/2022, Tổng ban hành Công văn số 1873/TCT-TTKT về việc tăng cường rà soát, kiểm tra phát hiện người nộp thuế có dấu hiệu rủi ro về hóa đơn, chống gian lận hoàn thuế GTGT. Theo đó, một số biện pháp thực hiện bao gồm:

- Rà soát, phân loại các DN có rủi ro về hoá đơn thông qua các dấu hiệu nghi vấn;

- Đối với hoá đơn phục vụ cho khấu trừ, hoàn thuế, nếu phát hiện có dấu hiệu mua bán hoá đơn nhưng chưa có kết luận chính thức của cơ quan chức năng thì thông báo cho DN biết để kê khai, điều chỉnh thuế GTGT;

- Phối hợp giữa các cơ quan thuế trong việc xác minh hoá đơn, nguồn gốc hàng hoá, trả kết quả trong vòng 10 ngày làm việc.

Ngoài ra Công văn nêu một số dấu hiệu, hành vi vi phạm của người nộp thuế để tăng cường kiểm tra như:

- DN thay đổi người đại diện trước pháp luật từ 2 lần trở lên trong vòng 12 tháng hoặc tha- Doanh nghiệp có số lần thay đổi trạng thái hoạt động hoặc số lần thay đổi kinh doanh từ 2 lần trong năm;

- DN mới thành lập có địa điểm kinh doanh không cố định (chuyển địa điểm kinh doanh nhiều lần trong 1-2 năm hoạt động);

- DN chuyển địa điểm kinh doanh sau khi đã có Thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký đối người đại diện trước pháp luật đồng thời chuyển địa điểm kinh doanh;

- DN thành lập nhiều năm không phát sinh doanh thu, sau đó bán lại, chuyển nhượng cho người khác;

- DN chưa nộp đủ vốn điều lệ theo đăng ký;

- Doanh thu lớn nhưng kho hàng không tương xứng hoặc không có kho hàng, không phát sinh chi phí thuê kho;

- Doanh thu kê khai hàng năm phát sinh từ trên 10 tỷ đồng nhưng số thuế phát sinh phải nộp thấp dưới 100 triệu đồng (1%);

- DN sử dụng hóa đơn với số lượng lớn (từ 500 đến 2000 số hóa đơn). Số lượng hóa đơn xóa bỏ lớn, bình quân chiếm khoảng 20% số hóa đơn sử dụng;

- DN có giá trị hàng hóa bán ra, thuế GTGT đầu ra bằng hoặc chênh lệch rất nhỏ so với giá trị hàng hóa mua vào, thuế GTGT đầu vào;

- DN có doanh thu và thuế GTGT đầu ra, đầu vào lớn nhưng không phát sinh số thuế phải nộp, có số thuế GTGT âm nhiều kỳ;

2. Tổ chức triển khai nghị định số 34/2022/NĐ-CP.

Ngày 23/06/2022, Tổng Cục thuế ban hành Công văn số 2194/TCT-KT về việc tổ chức triển khai Nghị định số 34/2022/NĐ-CP. Một số nội dung đáng lưu ý như sau:

- Tuyên truyền chính sách gia hạn nộp thuế, nộp tiền thuê đất theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP. Theo đó, doanh nghiệp sẽ phải gửi giấy đề nghị ân hạn cho cơ quan thuế chậm nhất vào ngày 30/9/2022. Nội dung Giấy đề nghị ân hạn thuế xem tại Phụ lục 1 đính kèm Công văn.

- Hướng dẫn người nộp thuế gửi Giấy đề nghị gia hạn qua các ứng dụng: ETax 2.2.2, iCaNhan 3.2.8, iTaxViewer 1.9.6, HTKK 4.8.5, TMS 5.48. Trường hợp người nộp thuế không thể thực hiện gửi Giấy đề nghị gia hạn theo phương thức điện tử, cơ quan thuế hướng dẫn người nộp thuế gửi qua đường bưu chính hoặc tiếp nhận Giấy đề nghị gia hạn nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế theo quy trình tiếp nhận hồ sơ thuế hiện hành.

- Cung cấp thông tin hỗ trợ tại Tổng cục thuế (số điện thoại liên hệ, hộp thư điện tử) về hỗ trợ nghiệp vụ; hỗ trợ kỹ thuật.



3. Người nước ngoài được tính thuế lũy tiến nếu thời hạn hợp đồng phải cử trên 183 ngày.

Ngày 07/07/2022, Tổng cục thuế ban hành Công văn số 2414/TCT-DNNCN hướng dẫn về chính sách thuế TNCN cho người lao động nước ngoài. Nội dung cụ thể như sau:

Trường hợp cá nhân là người nước ngoài được cử sang làm việc tại Việt Nam trong thời hạn 05 năm theo Hợp đồng phải cử thì cá nhân đó kê khai, tính thuế TNCN đối với các từ khai thuế TNCN trong năm 2021 theo biểu lũy tiến từng phần.

Trường hợp trong năm dương lịch, cá nhân người nước ngoài có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày nhưng tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên thì kỳ tính thuế đầu tiên của cá nhân đó được xác định là 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Từ năm thứ hai, kỳ tính thuế căn cứ theo năm dương lịch.

4. Chính sách thuế thu nhập cá nhân với cá nhân không cư trú.

Ngày 08/07/2022, Cục thuế Hà Nội ban hành Công văn số 32313/CTHN-TTHT về chính sách thuế TNCN với cá nhân không cư trú. Nội dung cụ thể như sau:

Trường hợp Công ty ở Nhật Bản (“Công ty Nhật Bản”) cử nhân sự nước ngoài sang công tác tại Công ty ở Việt Nam (“Công ty Việt Nam”) để học tập và tham khảo thực tế thị trường đáp ứng điều kiện là cá nhân không cư trú thì:

– Nếu các khoản chi trả của Công ty Việt Nam cho người lao động nước ngoài được xác định là thu nhập từ tiền lương, tiền công, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền ngoài tiền lương, tiền công do người sử dụng lao động trả thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ 20% trước khi chi trả cho cá nhân.

– Nếu Công ty Việt Nam chi trả hộ Công ty Nhật Bản theo thỏa thuận thu hộ, chi hộ giữa 2 bên và không phát sinh các khoản thu nhập chịu thuế TNCN thì không thuộc đối tượng phải nộp thuế TNCN tại Việt Nam.

5. Doanh nghiệp tiếp tục được sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN còn tồn trong thời gian chưa kịp triển khai chứng từ điện tử.

Ngày 12/07/2022, Tổng cục thuế ban hành Công văn số 2455/TCT-DNNCN về việc triển khai, vận hành hóa đơn, chứng từ điện tử. Nội dung cụ thể như sau:

Theo quy định tại Điều 33, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP thì tổ chức khấu trừ khi sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử không bắt buộc phải đăng ký, thông báo phát hành, chuyển dữ liệu điện tử đến CQT, tổ chức khấu trừ tự xây dựng hệ thống phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử đảm bảo các nội dung bắt buộc theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP. Trong thời gian chưa kịp triển khai chứng từ khấu trừ thuế TNCN điện tử, tổ chức (bao gồm cả cơ quan thuế), doanh nghiệp có thể sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN theo hình thức tự phát hành. Từ 01/7/2022, cơ quan thuế không tiếp tục bán chứng từ khấu trừ thuế TNCN do cơ quan thuế đặt in; đối với trường hợp đang còn tồn chứng từ khấu trừ mua của cơ quan thuế thì tiếp tục sử dụng.

6. Những lưu ý khi áp dụng hạn mức tăng ca 300 giờ/năm

Ngày 16/06/2022, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam ban hành Công văn số 4359/TLĐ-QHLD hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 17/2022/UBTVQH15. Theo đó, DN cần lưu ý một số điểm sau:

– Hạn mức tăng ca tối đa 300 giờ/năm chỉ áp dụng cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 17 và Khoản 3, Điều 107, Bộ luật lao động 2019.

– Tất cả các trường hợp được tổ chức tăng ca đến 300 giờ/năm đều được áp dụng mức tăng ca từ trên 40 giờ đến 60 giờ/tháng kể từ ngày 1/4/2022.

– Khi áp dụng hạn mức tăng ca theo Nghị quyết 17/2022/UBTVQH15, DN vẫn phải tuân thủ đầy đủ các quy định khác về làm thêm giờ tại Bộ luật lao động và các văn bản hướng dẫn (như: số giờ làm thêm trong ngày; tiền lương phải trả khi làm thêm giờ; có sự đồng ý của người lao động tham gia làm thêm;...).

– Nếu tổ chức tăng ca từ trên 200 giờ đến 300 giờ/năm, DN phải thông báo với Sở Lao động TB&XH địa phương.

– Thời hạn áp dụng hạn mức tăng ca theo Nghị quyết 17 là đến hết ngày 31/12/2022, trừ trường hợp Quốc hội kéo dài thêm.

FINANCE

C. QUY ĐỊNH VỀ KẾ - KIỂM TOÁN, QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Quy định về sử dụng Quỹ phát triển Khoa học công nghệ.
2. Quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.
3. Quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế.
4. Hướng dẫn về cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.



1. Quy định về sử dụng Quỹ phát triển Khoa học công nghệ tại Thông tư số 05/2022/TT-BKHCN ngày 31/05/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Thông tư hướng dẫn cụ thể việc sử dụng Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ của DN, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/06/2022 và áp dụng từ kỳ tính thuế TNDN năm 2022. Các điều 2,3,5,6,7,8,9,10,11,15 và mẫu số 01 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/06/2016 hết hiệu lực kể từ ngày 01/06/2022. Các hướng dẫn về thuế, quản lý tài chính, quản lý tài sản hình thành từ Quỹ thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Thông tư hướng dẫn cụ thể các nội dung được phép sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ, bao gồm:

- Chi thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh hoặc tại doanh nghiệp theo phương thức tuyển chọn, giao trực tiếp hoặc phương thức khác.
- Chi hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ gồm: trang bị cơ sở vật chất cho hoạt động KHCN; mua quyền sử dụng, quyền sở hữu, mua máy móc, thiết bị cho đổi mới công nghệ phục vụ trực tiếp hoạt động SXKD; trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài; chi đào tạo nhân lực KH&CN của doanh nghiệp; chi cho hoạt động sáng kiến; Chi cho hoạt động hợp tác về khoa học và công nghệ với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài; Chi cho đánh giá, thử nghiệm, giám định, kiểm định, quảng bá, thương mại hóa sản phẩm mới, công nghệ mới; đăng ký quyền sở hữu trí tuệ; Chi tài trợ, hỗ trợ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.
- Chi thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ gồm: Chi thực hiện dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ; Chi đầu tư, đối ứng vốn đầu tư cho khởi nghiệp, đổi mới; giải mã công nghệ, cơ sở vật chất kỹ thuật và tư vấn, tìm kiếm, hỗ trợ kỹ thuật, lao động kỹ thuật cho hoạt động này; Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ của doanh nghiệp có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương; Đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ,...
- Chi phục vụ hoạt động quản lý quỹ: Chi lương và các khoản trích theo lương cho cán bộ phục vụ trực tiếp hoạt động quản lý Quỹ; Chi phụ cấp cho các cán bộ kiêm nhiệm; Chi thuê trụ sở làm việc; Chi mua sắm, sửa chữa vật tư văn phòng, tài sản; Chi thanh toán dịch vụ công cộng; Chi các khoản công tác phí và các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động quản lý Quỹ. Mức chi và tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý Quỹ do doanh nghiệp quyết định.



2. Quy định về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/06/2022 của Chính phủ.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2022 và thay thế Nghị định 90/2019/NĐ-CP. Theo đó, mức lương tối thiểu tháng và mức lương tối thiểu giờ đối với người lao động làm việc cho người sử dụng lao động theo 4 vùng như sau:

- Về mức lương tối thiểu theo tháng: Vùng I: 4.680.000 đồng/tháng; Vùng II: 4.160.000 đồng/tháng; Vùng III: 3.640.000 đồng/tháng; Vùng IV: 3.250.000 đồng/tháng. (tăng 6% so với mức lương tối thiểu hiện hành).
- Về mức lương tối thiểu theo giờ: Vùng I: 22.500 đồng/giờ; Vùng II: 20.000 đồng/giờ; Vùng III: 17.500 đồng/giờ; Vùng IV: 15.600 đồng/giờ (trước đây không quy định theo giờ).

Danh mục địa bàn vùng I, vùng II, vùng III, vùng IV được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Việc áp dụng địa bàn vùng còn có thể được xác định theo nơi hoạt động của người sử dụng lao động theo các nguyên tắc quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.



3. Quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/07/2022 và thay thế Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 với một số nội dung sửa đổi sau:

- Nghị định sửa đổi bổ sung các quy định liên quan đến quy định về quy hoạch KCN, KKT để phù hợp với quy định của Luật Quy hoạch. Đồng thời quy định chi tiết hơn về xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN; các quy định về chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn và thúc đẩy phát triển KCN, KKT;
- Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến đầu tư hạ tầng, trong đó có quy định về phân kỳ đầu tư KCN, bãi bỏ thủ tục thành lập KCN, đơn giản hóa quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục đầu tư hạ tầng, thành lập KCN và mở rộng KCN... Cụ thể, khu công nghiệp được xác định là đã được thành lập kể từ ngày cấp có thẩm quyền: a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp sử dụng vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công; b) Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư.
- Điều kiện đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp được quy định cụ thể, chi tiết về tỷ lệ lấp đầy, quy mô khu công nghiệp, năng lực của nhà đầu tư và một số điều kiện khác, đảm bảo sự phù hợp với đặc thù của dự án hạ tầng khu công nghiệp.
- Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp phải đáp ứng các điều kiện: 1) Điều kiện kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; 2) Điều kiện để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế tại Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ

Trường hợp nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp là tổ chức kinh tế do nhà đầu tư nước ngoài dự kiến thành lập theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật về doanh nghiệp thì tổ chức kinh tế dự kiến thành lập phải có khả năng đáp ứng điều kiện để được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan...

- Nghị định cũng quy định trong KCN, khu chế xuất được bố trí quỹ đất làm nhà ở dành cho công nhân (bảo đảm đáp ứng tối thiểu 50% số lượng công nhân có nhu cầu về nhà ở) có hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội chủ yếu phục vụ khu nhà ở của công nhân và có cơ chế chính sách ưu đãi cũng như chỉ định công ty xây dựng kết cấu hạ tầng KCN, KKT, là nhà đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân.

- Điều kiện để khu công nghiệp được chuyển đổi sang phát triển khu đô thị - dịch vụ bao gồm:

- + Phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- + Khu công nghiệp nằm trong khu vực nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc Trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh;
- + Thời gian hoạt động từ ngày khu công nghiệp được thành lập đến thời điểm xem xét chuyển đổi tối thiểu là 15 năm hoặc một nửa thời hạn hoạt động của khu công nghiệp;
- + Có sự đồng thuận của nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và trên 2/3 số doanh nghiệp trong khu công nghiệp tại khu vực dự kiến chuyển đổi.

Trừ các trường hợp sau: Dự án đầu tư đã hết thời hạn hoạt động theo quy định của pháp luật về đầu tư; Dự án đầu tư không đủ điều kiện gia hạn cho thuê lại đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về dân sự; Dự án đầu tư gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc diện buộc phải di dời theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Có hiệu quả kinh tế - xã hội, môi trường.



4. Hướng dẫn về cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/05/2022.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/08/2022, trong đó đáng lưu ý là hướng dẫn xử lý kỹ thuật khi Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia gặp sự cố ngoài khả năng kiểm soát. Cụ thể:

- Trường hợp gặp sự cố dẫn đến Hệ thống không thể vận hành: Các gói thầu lựa chọn nhà thầu qua mạng có thời điểm đóng thầu, thời điểm hết hạn làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT nằm trong khoảng thời gian từ khi hệ thống bị sự cố cho đến thời điểm sau hoàn thành khắc phục sự cố 02 giờ sẽ được Hệ thống gia hạn đến thời điểm đóng thầu mới, thời điểm hết hạn làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT mới là sau 06 giờ kể từ khi hoàn thành khắc phục sự cố.
- Trường hợp thời điểm đóng thầu mới và hết hạn làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT sau 17 giờ thì Hệ thống gia hạn đến 09 giờ ngày tiếp theo.
- Trường hợp Hệ thống tự động gia hạn thời điểm đóng thầu theo quy định trên thì việc đánh giá E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT được thực hiện trên cơ sở thời điểm đóng thầu nêu trong E-HSQT, E-HSDST, E-HSDT trước khi Hệ thống gặp sự cố.
- Trước đây, theo Thông tư 04/2017/TT-BKHĐT, thời điểm mở thầu mới là 15 giờ cùng ngày nếu sự cố Hệ thống được khắc phục trước 12 giờ, nếu sau 12 giờ thì thời điểm mở thầu sẽ là 9 giờ ngày tiếp theo.

Trường hợp sự cố Hệ thống được khắc phục vào thứ 7, chủ nhật, ngày lễ thì mở thầu vào 9 giờ ngày làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ.



D. CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ.
2. Thông tư 47/2022/TT-BTC ngày 29/07/2022 của Bộ Tài chính.
3. Nghị định 50/2022/NĐ-CP ngày 2/8/2022 của Chính phủ.
4. Nghị định 51/2022/NĐ-CP ngày 8/8/2022 của Chính phủ.

1/ Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/07/2022 quy định về hoàn thuế dự án đầu tư và giá đất được trừ khi tính thuế GTGT

Ngày 29/07/2022 Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2022/NĐCP, lần nữa sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến giá đất được trừ khi tính thuế chuyển nhượng BĐS và chính sách hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư. Theo đó, đối với trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau đó bán lại thì giá đất được trừ khi tính thuế GTGT là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng KHÔNG bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng, thay vì quy định cũ tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP cho phép giảm trừ cả giá trị cơ sở hạ tầng. Trường hợp không tách được giá trị quyền sử dụng đất và giá trị cơ sở hạ tầng thì giá đất được trừ được căn cứ theo giá đất do UBND cấp tỉnh ban hành tại thời điểm nhận chuyển nhượng.

Tuy nhiên, đổi lại, cơ sở kinh doanh sẽ được kê khai khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của cửa cơ sở hạ tầng (nếu có). Đối với trường hợp chuyển nhượng nhà, cơ sở hạ tầng thu tiền theo tiến độ, Thông tư quy định rõ giá tính thuế GTGT là số tiền thu được theo tiến độ trừ (-) giá đất được trừ tương ứng với tỷ lệ % số tiền thu được trên tổng giá trị hợp đồng. Về chính sách hoàn thuế dự án đầu tư, theo quy định mới, đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề có điều kiện sẽ được xét hoàn thuế GTGT khi có số thuế GTGT chưa khấu trừ từ 300 triệu đồng và thuộc một trong các trường hợp sau: • Dự án trong giai đoạn đầu tư, đã được cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận. • Dự án trong giai đoạn đầu tư, theo pháp luật đầu tư và pháp luật chuyên ngành chưa phải đề nghị cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

Dự án theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành không phải xin cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12/09/2022. Bãi bỏ quy định tại Điều 2 Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 09/2/2017.

2/ Thông tư 47/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm 2023-2025.

Ngày 29/7/2022, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 47/2022/TT-BTC về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm 2023-2025.

Cụ thể, phần đầu dự toán thu nội địa năm 2023 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước bình quân cả nước tăng khoảng 7-9% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022 (sau khi loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách).

Bên cạnh đó, không xây dựng dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước (NSNN) hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2022 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2023. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc các bộ, cơ quan trung ương xây dựng dự toán chi NSNN năm 2023 giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2022, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN tương ứng mức giảm chi thường xuyên từ ngân sách.

Đồng thời, các đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên thuộc các bộ, cơ quan trung ương tiếp tục giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2022 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do NSNN bảo đảm.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 12/9/2022.

3/ Nghị định 51/2022/NĐ-CP sửa đổi mức thuế nhập khẩu ưu đãi xăng tại Nghị định 57/2020/NĐ-CP

Giảm đến 10% thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi với mặt hàng xăng

Ngày 08/8/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 51/2022/NĐ-CP về việc sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xăng thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài.

Cụ thể, mức thuế suất đối với một số mặt hàng xăng RON 97 và cao hơn (2710.12.11); RON 90 và cao hơn nhưng dưới RON 97 (2710.12.12); RON khác (2710.12.13); Tetrapropylene (2710.12.40); Alpha olefins (2710.12.91); ... là 20%. Thuế suất đối với mặt hàng xăng động cơ, không pha chì (mã HS từ 2710.12.21 đến 2710.12.29) giảm từ 20% xuống 10%.

Bên cạnh đó, dầu thô đã tách phần nhẹ (2710.19.20); dầu bôi trơn cho động cơ máy bay (2710.19.42); mỡ bôi trơn (2710.19.44); dầu dùng cho máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng) và dầu dùng cho bộ phận ngắt mạch (2710.19.60); ... được áp mức thuế suất 5%.

Ngoài ra, mức thuế suất 7% áp dụng mới các mặt hàng như: Nhiên liệu diesel cho ô tô (2710.19.71); Nhiên liệu diesel khác (2710.19.72); Dầu nhiên liệu (2710.19.79); Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy dưới 23°C (2710.19.82) và Nhiên liệu động cơ máy bay (nhiên liệu phản lực) có độ chớp cháy từ 23°C trở lên (2710.19.81); ...

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

4/ Nghị định 50/2022/NĐ-CP quy định nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức

Viên chức được nghỉ hưu muộn hơn tuổi nghỉ hưu tối đa 5 năm

Ngày 02/8/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 50/2022/NĐ-CP quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Theo đó, 4 đối tượng áp dụng Nghị định gồm: viên chức có học hàm Giáo sư, Phó giáo sư; viên chức giữ chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo Tiến sĩ hoặc chuyên khoa II; giám định viên pháp y, giám định viên pháp y tâm thần; viên chức có chuyên môn, kỹ thuật cao trong một số lĩnh vực sự nghiệp đặc thù theo quy định pháp luật chuyên ngành.

Viên chức nghỉ hưu ở tuổi cao hơn nếu đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu; viên chức có đủ sức khỏe; và không đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật, bị điều tra, truy tố, xét xử hoặc thi hành kỷ luật về đảng, chính quyền và có đơn đề nghị được kéo dài thời gian công tác. Đơn đề nghị gửi cấp có thẩm quyền quyết định kéo dài trước thời điểm nghỉ hưu ít nhất 06 tháng.

Việc nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với viên chức không quá 5 năm (60 tháng), tính từ thời điểm viên chức đủ tuổi nghỉ hưu theo Nghị định 135/2020/NĐ-CP. Trong thời gian này, viên chức chỉ làm nhiệm vụ chuyên môn, không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và không được bảo lưu phụ cấp chức vụ lãnh đạo. Bên cạnh đó, viên chức được giải quyết chế độ hưu trí nếu có nguyện vọng nghỉ làm việc hoặc đơn vị sự nghiệp không còn nhu cầu.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/08/2022.



CPAVIETNAM



Trụ sở chính

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building, 235
Nguyễn Trãi, Q. Thanh
Xuân, TP. Hà Nội.

Tel : 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122



VP. Đại diện

Tầng 16, Tòa nhà T01-
C37 Bắc Hà, đường Tố
Hữu, Q.Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội.

Tel : 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368



CN. Miền Nam

Tầng 4, Tòa nhà
Hoàng Anh Safomec,
7/1 Thành Thái, P.14,
Q.10, TP. Hồ Chí
Minh.

Tel : 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959



CN. Miền Bắc

Số 97 Trần Quốc Toản,
phường Trần Hưng
Đạo, quận Hoàn
Kiếm, TP. Hà Nội.

Tel : 024 7306 1268

Fax: 024 7306 1269